TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2021/QĐST-HNGĐ	*Quận 12, ngày 07 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 1266/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 237/39 Lê Văn Khương, Tổ 6B, Khu phố 1, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 237/39 Lê Văn Khương, Tổ 6B, Khu phố 1, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 2Y và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/Y/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 237/39 Lê Văn Khương, Tổ 6B, Khu phố 1, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 237/39 Lê Văn Khương, Tổ 6B, Khu phố 1, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc N và bà Ngô Thị H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 283/2014, quyển số 02/2014 do UBND phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/12/2014 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc N và bà Ngô Thị H có 01 (một) người con chung tên Nguyễn Bảo A, sinh ngày 18/02/2015.

Giao con chung tên Nguyễn Bảo Anh, sinh ngày 18/02/2015 cho ông Nguyễn Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Bà Ngô Thị H có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Địa điểm giao nhận tiền do các bên tự thỏa thuận hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể xin thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí HNGĐ: Đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, ông Nguyễn Ngọc N tự nguyện chịu được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Ngọc N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0105726 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Ngọc N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục THADS Quận Y;
- UBND phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Sang